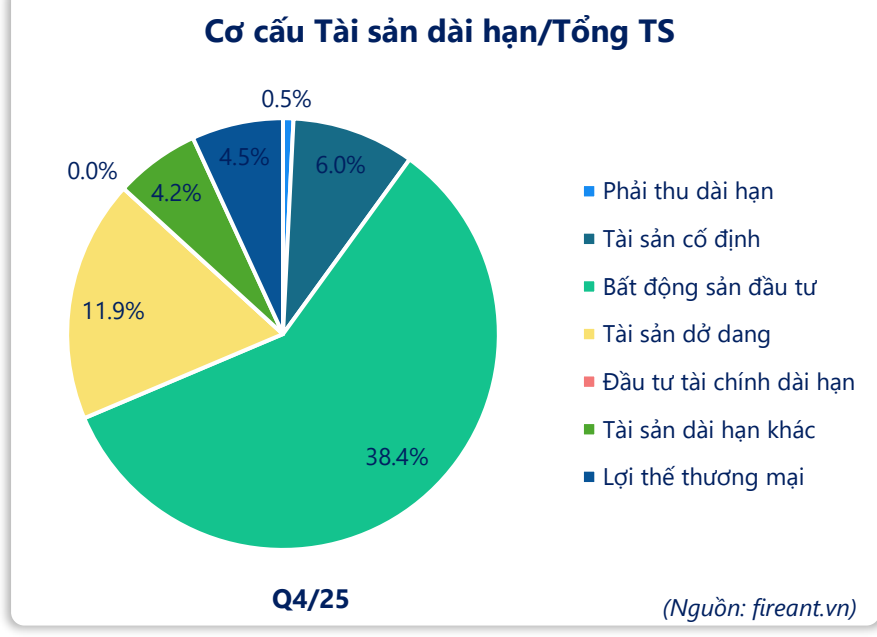
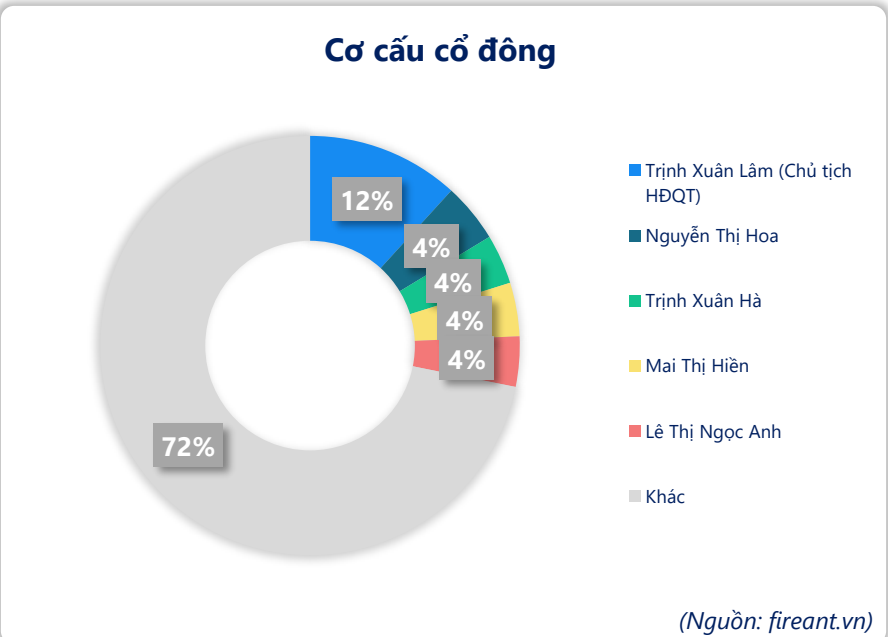
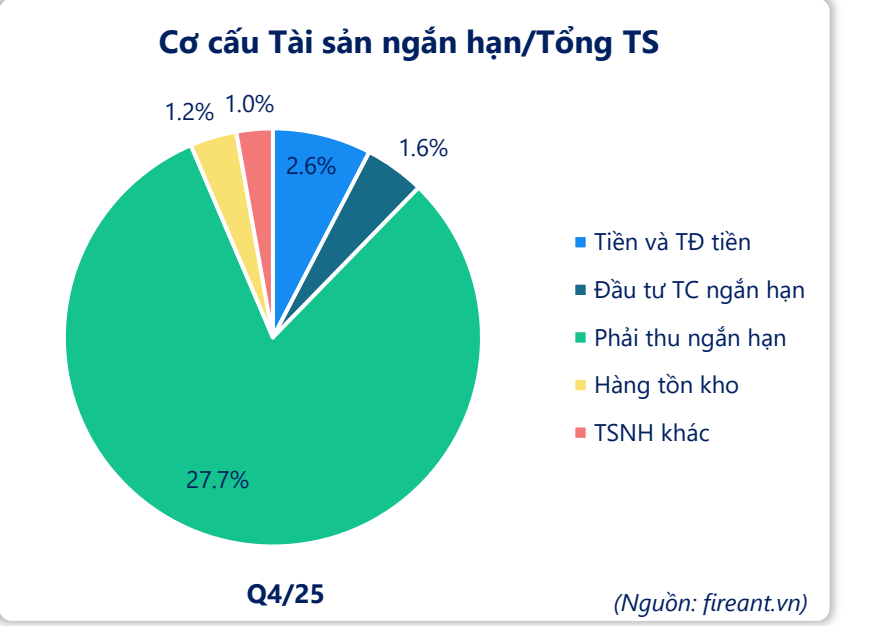
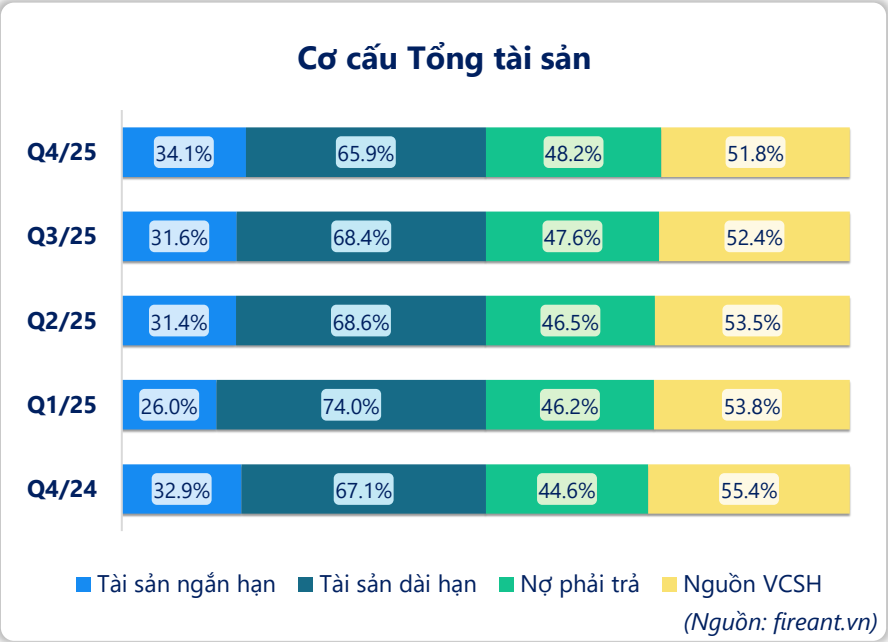
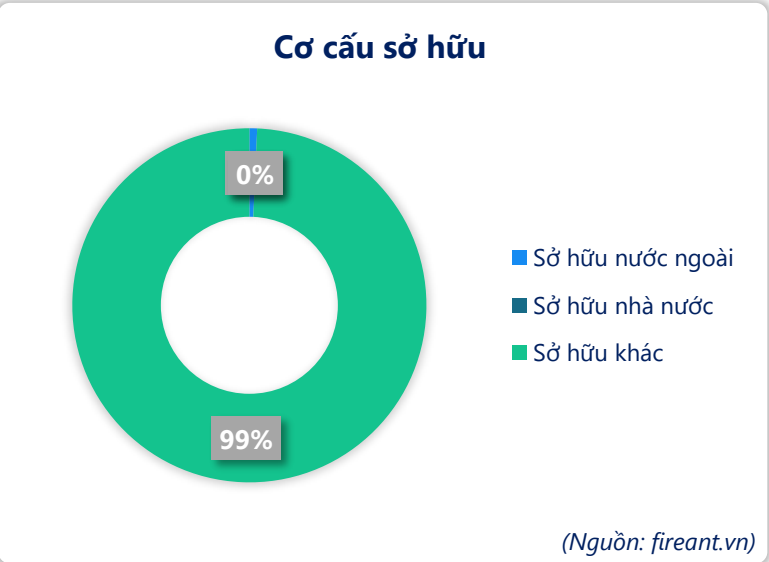
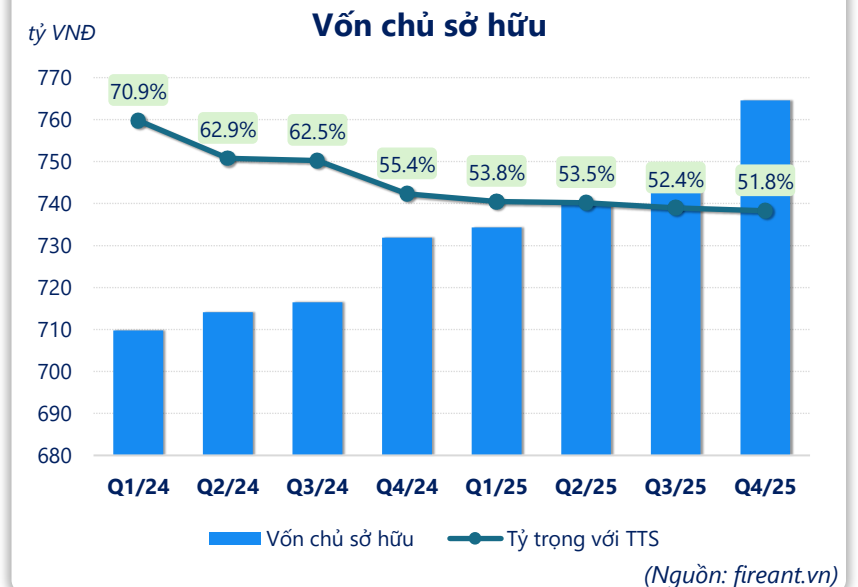
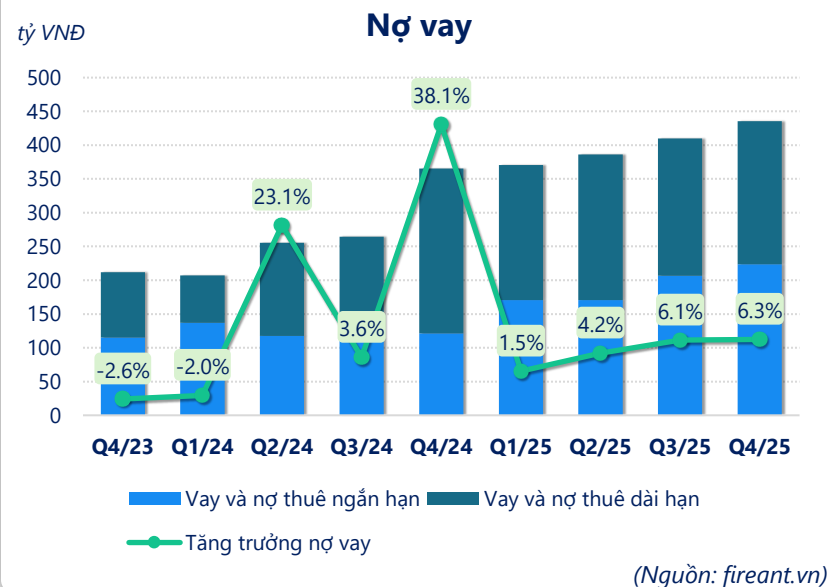
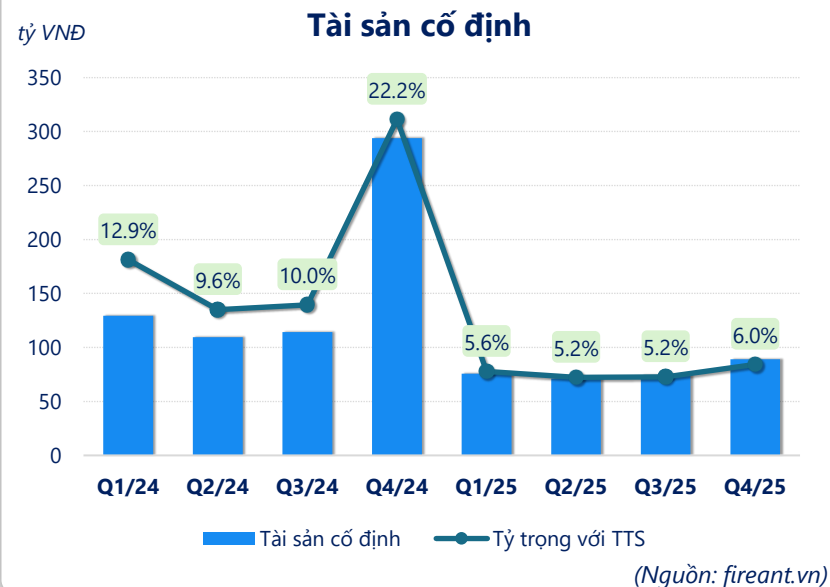
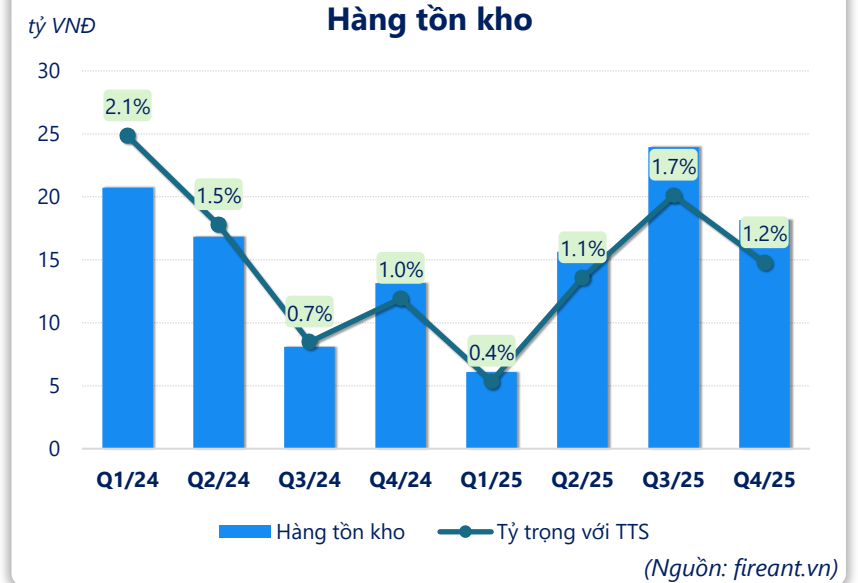
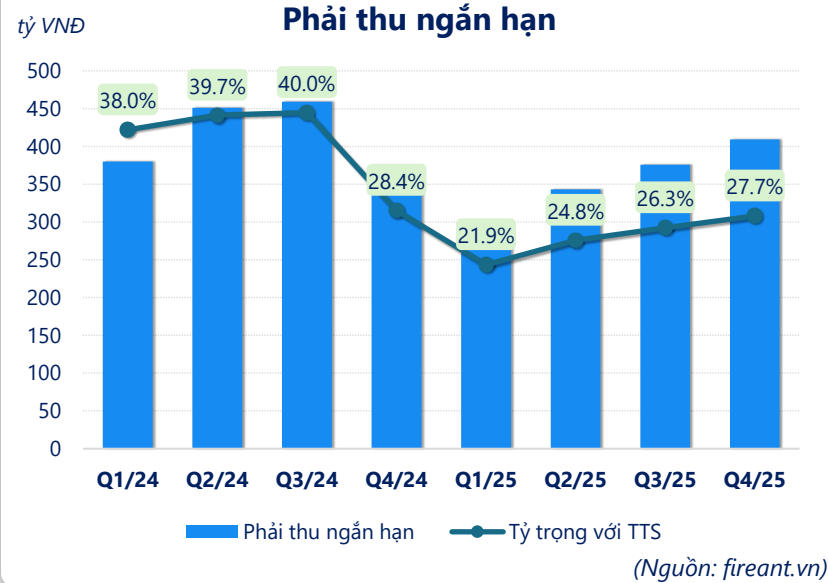
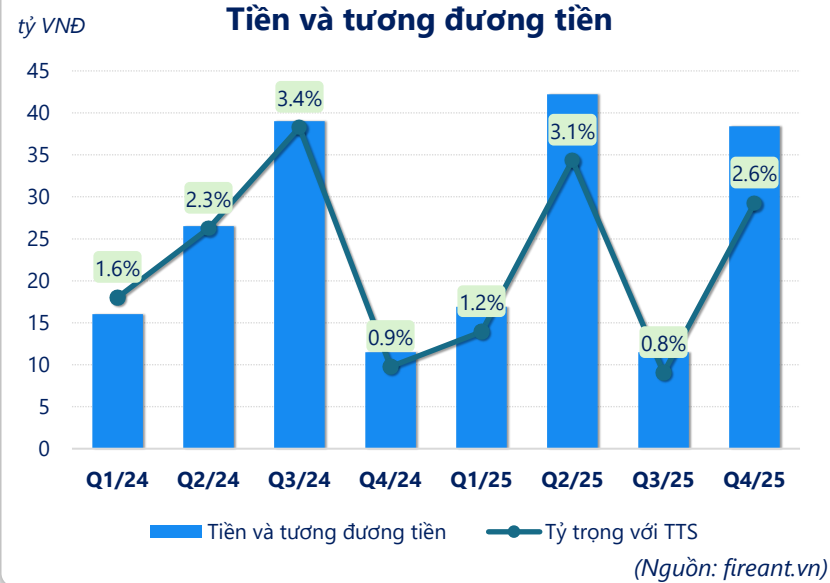
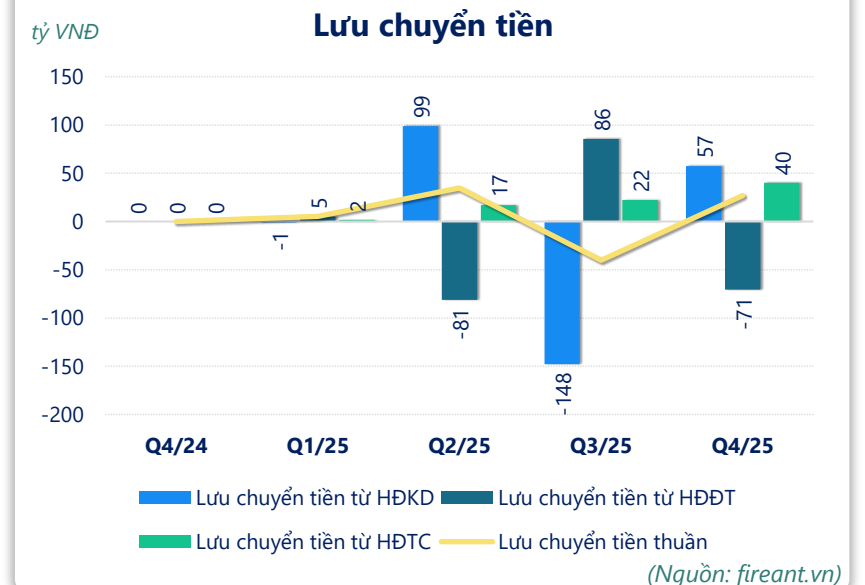
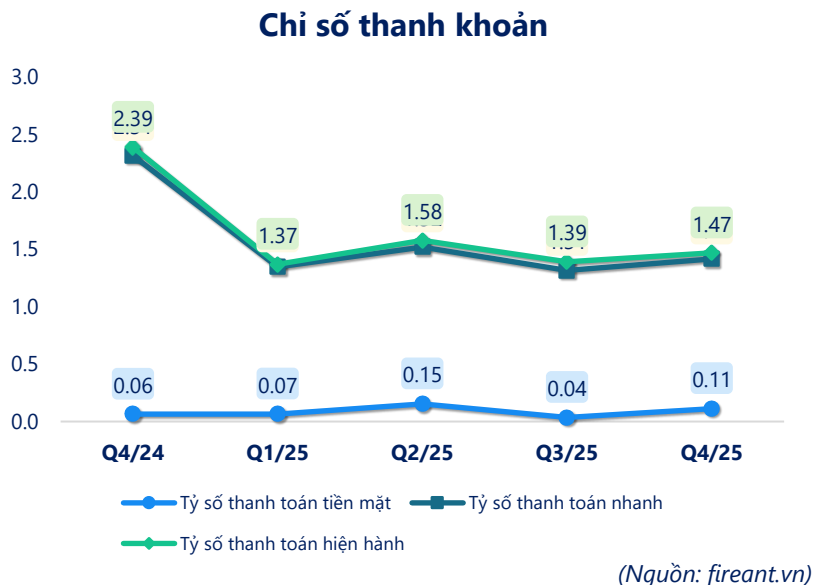
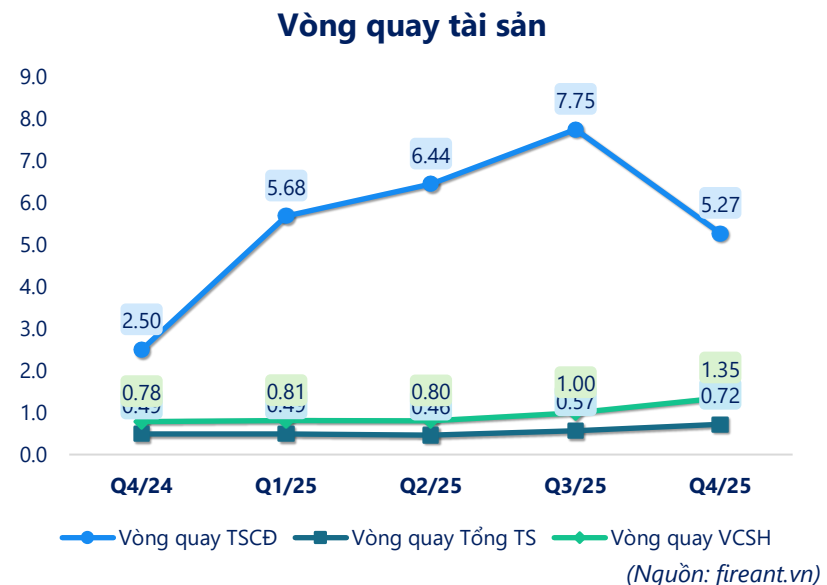
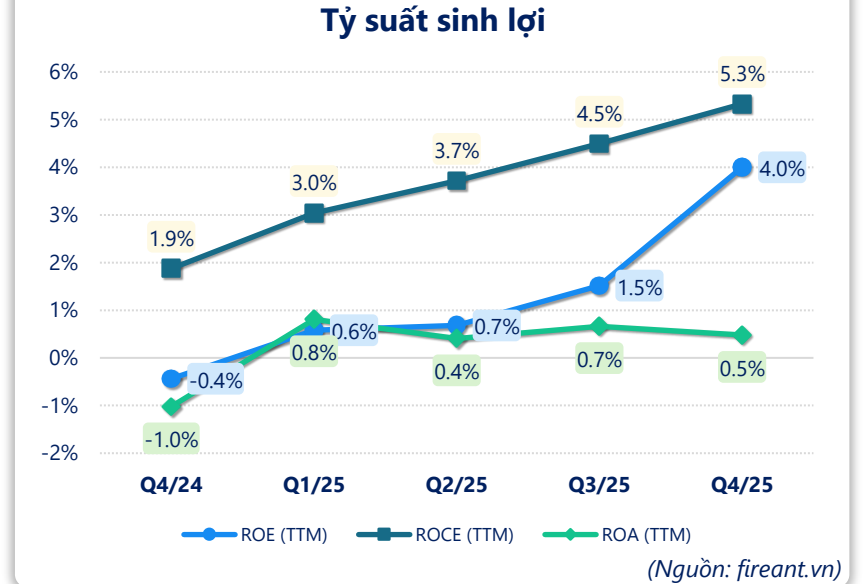
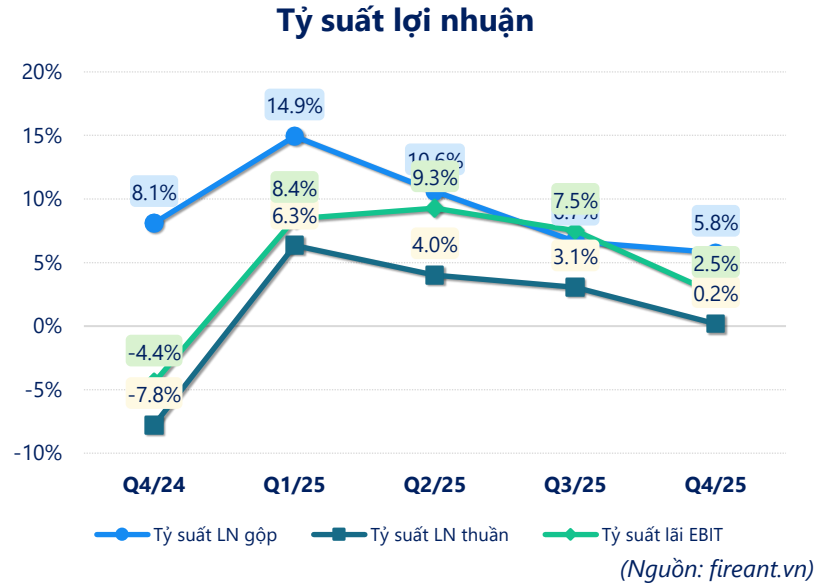
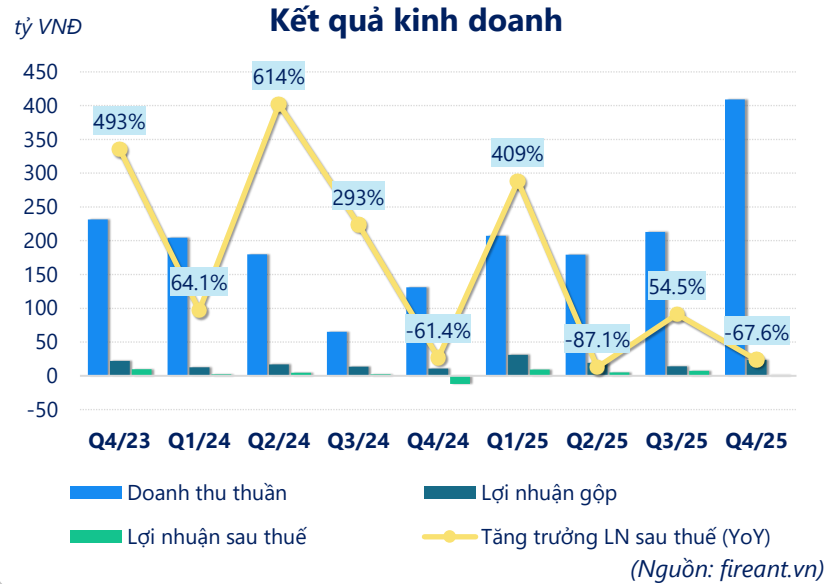


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,230
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,600
SL cổ phiếu LH		70,819,103
KLGD BQ 20 phiên (CP)		25,150
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		229
P/E		7.6
EPS		422

	YTD	1T	3T	6T
AAT	-9.0%	-7.4%	-13.9%	4.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,476	1,334	10.6%
Tài sản ngắn hạn	503	338	48.8%
Tiền và tương đương tiền	38.4	11.5	234%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.4	26.6	-12.1%
Phải thu ngắn hạn	409	279	46.9%
Hàng tồn kho	18.2	13.3	36.8%
Tài sản ngắn hạn khác	14.2	8.26	71.5%
Tài sản dài hạn	973	996	-2.3%
Phải thu dài hạn	7.56	97.2	-92.2%
Tài sản cố định	89.0	78.8	12.9%
Bất động sản đầu tư	567	511	11.0%
Tài sản dở dang	176	167	5.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	61.6	66.8	-7.9%
Lợi thế thương mại	66.3	75.7	-12.4%
Nợ phải trả	712	609	16.9%
Nợ ngắn hạn	343	200	71.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	224	135	65.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	37.1	21.4	73.8%
Nợ dài hạn	368	409	-9.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	212	233	-8.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	765	725	5.4%
Vốn chủ sở hữu	765	725	5.4%
Vốn điều lệ	708	708	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	131	207	179	213	409
Giá vốn hàng bán	120	176	160	199	385
Lợi nhuận gộp	10.6	30.9	19.0	14.2	23.6
Doanh thu HĐTC	0.64	1.00	-0.20	1.10	0.93
Chi phí TC	5.31	8.03	9.79	8.15	8.65
Chi phí lãi vay	4.76	4.76	10.8	8.15	8.59
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.84	4.61	1.09	3.07	6.31
Chi phí QLDN	13.3	6.16	0.75	-2.45	8.90
LN thuần từ HĐKD	-10.2	13.1	7.18	6.51	0.70
Lợi nhuận khác	-0.38	-0.41	-1.34	1.34	1.13
LN trước thuế	-10.6	12.7	5.84	7.85	1.83
Lợi nhuận sau thuế	-12.0	9.48	4.82	7.20	1.16
LNST của CĐ cty mẹ	-12.1	9.55	5.12	8.55	6.69

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-1.38	99.0	-148	57.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	5.07	-81.2	85.6	-70.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	1.71	16.9	22.2	40.1
Tiền đầu kỳ	0	11.5	16.9	42.2	11.5
Lưu chuyển tiền thuần	0	5.40	34.7	-40.2	26.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.02	-0.03
Tiền cuối kỳ	0	16.9	42.2	11.5	38.4

(Nguồn: fireant.vn)